

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỠC HỢP
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Số: 03 /2020/QĐST- DS.

Quỳ hợp, ngày 12 tháng 02 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2019/TLST- DS ngày 18 tháng 06 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T.

Địa chỉ: Số T, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị V.

Người được Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T ủy quyền: Ông **Phạm Tuấn A** -chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân, V.

Người được ủy quyền lại: Ông **Phạm Thanh H** -Trưởng bộ phận xử lý nợ.

Bà **Bùi Thị T** - Chuyên viên xử lý nợ.

Ông **Bùi Huy H** - Chuyên viên xử lý nợ.

Ông **Lê Văn N**- Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Tầng H, V Đội C, Số m đường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: 1. Anh **Trần Ngọc T**, sinh năm 1980.

2. Chị **Lê Thị Khánh L**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khối H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thỏa thuận của các bên đương sự cụ thể như sau:

Ông Lê Văn N và ông Trần Ngọc T, bà Lê Thị Khánh L thỏa thuận ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Khánh L chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T số tiền tính đến ngày 04/ 02/2020 tổng cả gốc và lãi của hai hợp đồng là 666.051.727 đồng (trong đó, hợp đồng tín số 12731726 ngày 12/04/2017 tiền gốc là 394.664.000 đồng, tiền lãi là 184.906.001 đồng và giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 29/03/2017 tiền gốc là 52.344.786 đồng, tiền lãi là 34.136.940 đồng). Từ ngày 05/02/2020 trở đi cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng thì ông Trần Ngọc T, bà Lê Thị Khánh L phải trả tiền lãi phát sinh được tính theo hợp đồng tín số 12731726 ngày 12/04/2017 và giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 29/03/2017.

Trường hợp ông Trần Ngọc T, bà Lê Thị Khánh L không trả hoặc trả không đủ số nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 12731726 ngày 12 tháng 04 năm 2017 là xe ô tô hiệu MAZDA BT50, số khung MM7UR4DD 8HW633175, số máy P4AT2313386, biển kiểm soát 37C-250.29 đăng ký xe mang tên bà Lê Thị Khánh L. Sau khi phát mại tài sản thế chấp mà chưa đủ thu hồi nợ cho Ngân hàng thì ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị Khánh L phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả các khoản tiền nợ cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản thế chấp sau khi thanh toán hết nợ mà còn thừa thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T phải trả lại cho ông Trần Ngọc T, bà Lê Thị Khánh L.

Trường hợp ông Trần Ngọc T, bà Lê Thị Khánh L trả hết nợ thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T phải trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô MAZDA biển kiểm soát 37C-250.29 mang tên bà Lê Thị Khánh L cho ông Trần Ngọc T, bà Lê Thị Khánh L.

Về án phí: Ông Trần Ngọc T, bà Lê Thị Khánh L chịu án phí dân sự sơ thẩm 15.321.034 đồng (Mười lăm triệu ba trăm hai mươi một nghìn không trăm ba mươi tư đồng).

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T số tiền 13.244.684 đồng (Mười ba triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi tư đồng) tạm ứng án phí theo BL thu số 0002613 ngày 18 tháng 06 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh hợp;
- T H A DS huyện Quỳnh hợp;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án..

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Quán Vi Tuấn

